

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 23/11/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Trường.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Ông Vũ Thanh Tuấn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:*** Bà Phạm Thị Thùy -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ - ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-PT ngày 31 tháng 10 năm 2022 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Bảo N**, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký thường trú: Số 39/75 L, phường L1, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Số 1B/4, C, phường C1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ khi Tòa án thụ lý giải quyết: Số 39/75 L, phường L1, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Nơi đăng ký thường trú, nơi ở hiện nay: Thôn D, xã D1, huyện B, tỉnh Hải Dương; có mặt.

**3. Người kháng cáo:** Anh Lê Văn Đ (Bị đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Bảo N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn vào ngày 18/02/2020 tại UBND phường Quang Trung, thành phố H, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, anh Đ có tính gia trưởng, độc đoán, luôn làm mọi việc theo ý của anh Đ, trong cuộc sống hàng ngày luôn coi thường chị. Anh Đ không có trách nhiệm gì với mẹ con chị kể cả về vật chất lẫn tinh thần. Từ khi sinh con, một mình chị tự nuôi con và chăm sóc con, có sự hỗ trợ từ bố mẹ đẻ chị. Anh Đ tự ý đăng tin bán nhà đất là tài sản chung của anh chị mà không có ý kiến của chị. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ giữa năm 2021, vợ chồng sống ly thân từ đó. Chị đã một lần gửi đơn xin ly hôn anh Đ ra Tòa án, anh Đ có mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút đơn về. Sau khi rút đơn về, anh Đ vẫn không thay đổi mà còn gây ức chế tinh thần cho chị. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Lê Bảo Minh Đ1, sinh ngày 23/5/2021. Hiện cháu đang ở với chị và bà ngoại là bà Phạm Thị D2. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị có nhà đất tại số 39/75 L, phường L1, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị và anh Đ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Đ trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, như chị N trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Nguyên vọng của anh để vợ chồng tự hòa giải để gia đình được đoàn tụ. Anh đồng ý ly hôn nhưng phải giải quyết vấn đề tài sản chung trước khi giải quyết ly hôn. Về con chung, có một con như chị N trình bày. Nếu ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, do con còn nhỏ anh nhất trí để chị N nuôi con chung, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc của gia đình anh. Về tài sản chung, nợ chung chưa được giải quyết nên anh không đồng ý ly hôn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Bảo N được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo Minh Đ1, sinh ngày 23/5/2021 cho chị Nguyễn Bảo N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại đơn kháng cáo ghi ngày 23/8/2022, bị đơn anh Lê Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân thành phố H. Xác định thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện B, không nhất trí ly hôn nên không nhất trí giải quyết về con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ngoài ra anh trình bày và đề nghị Tòa án xem xét về tài sản chung chung của vợ chồng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Bảo N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không nhất trí nội dung kháng cáo của bị đơn. Chị đề nghị được ly hôn anh Đ, đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Bảo Minh Đ1 cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:**

**Về việc tuân theo pháp luật:** Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về hướng giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Lê Văn Đ trong thời hạn luật định là hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Văn Đ:

[2.1] Đối với nội dung anh Lê Văn Đ trình bày: Anh thường xuyên ở B nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử xét

thấy: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Bảo N sinh sống tại số 39/75 L, phường L1, thành phố H từ tháng 5/2020 là thời điểm vợ chồng thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất. Tháng 8/2020, chị Nguyễn Bảo N thực hiện việc đăng ký Hộ khẩu thường trú tại phường L1, tháng 6/2021 chị N nhập khai sinh cho con cùng với hộ khẩu của chị N. Qua xác minh thể hiện Công an phường L1 nhiều lần kiểm tra và yêu cầu anh Đ thực hiện việc đăng ký tạm trú nhưng anh không thực hiện. Thực tế anh không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại phường L1 nhưng anh thường xuyên sinh sống tại phường L1. Thời điểm tháng 3/2022 anh Đ vẫn sinh sống và có mặt tại số 39/75 L, phường L1, thành phố H. Do vậy, Tòa án thành phố H giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của anh Đ không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Bảo N đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống đến năm 2021 anh Đ xác định vợ chồng sống với nhau không hòa thuận và không thể sống được với nhau nên anh đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án thành phố H, tuy nhiên Tòa án không nhận đơn của anh do con chung dưới 12 tháng tuổi. Tháng 12/2021 chị N nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn về nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Tháng 3/2022, chị N tiếp tục nộp đơn và trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh Đ không quan tâm đến mẹ con chị, không vun vén cho gia đình, tự ý quyết định mọi vấn đề mà không hỏi ý kiến và không tôn trọng chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai và xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh Đ. Anh Đ không nhất trí ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh trình bày nếu Tòa án giải quyết về tài sản thì anh nhất trí ly hôn. Như vậy, thể hiện anh không còn tình cảm với chị N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh chị được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo và trình bày của Đoàn đề nghị được nuôi dưỡng con chung Lê Bảo Minh Đ1, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lê Bảo Minh Đ1, sinh ngày 23/5/2021, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang do chị N nuôi dưỡng tại nhà đất của bà Phạm Thị D2 ở địa chỉ: Số 1B/4, C, phường C1, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị N có sức khỏe tốt, hiện đang làm tại Công ty TNHH Quốc tế BIC thu nhập bình quân 14.500.000đ - 15.500.000đ/tháng, bà Dung có hỗ trợ chị N chăm sóc cháu Minh Đức. Chị N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh Đức và không nhất trí giao con cho anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ trình bày chị N không cung cấp được địa chỉ hiện tại chị đang nuôi con và cản trở việc thăm con của anh nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc anh Đ trình bày và yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên thời điểm mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ở cấp sơ thẩm anh không nộp đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thành phố H không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do vậy, không có cơ sở để giải quyết ở cấp phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, anh Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Lê Văn Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Bảo N được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Bảo Minh Đ1, sinh ngày 23/5/2021 cho chị Nguyễn Bảo N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0001170 ngày 05/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Anh Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/11/2022./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**